

**DANH SÁCH SINH VIÊN ĐƯỢC HƯỞNG MIỄN – GIẢM HỌC PHÍ**

**Khoá: 41 ( Học kì I năm học 2016 – 2017)**

*( Kèm theo quyết định số:...../QĐ-ĐHLHN ngày.....tháng.....năm.....của Hiệu trưởng Trường ĐH Luật Hà Nội.)*

| STT | HỌ VÀ TÊN             | MSSV   | ĐỐI TƯỢNG               | GIẤY TỜ XÁC MINH                    | DIỆN |                 | GHI CHÚ              |
|-----|-----------------------|--------|-------------------------|-------------------------------------|------|-----------------|----------------------|
|     |                       |        |                         |                                     | Miễn | Giảm 50% và 70% |                      |
| 1.  | Hoàng Thị Vân Anh     | 410132 | CTB4/4                  | Đơn, khai sinh sao, GCNCTB,TTB      | x    |                 | MHP toàn khóa học    |
| 2.  | Nguyễn Ngọc Ánh       | 410153 | DTTS. Hộ cận nghèo 2016 | Đơn, khai sinh sao, GCN cận nghèo   | x    |                 | MHP kì I (2016-2017) |
| 3.  | Lành Thị Bình         | 410128 | DTTS. VKTĐBKK (135)     | Đơn, khai sinh sao, GCN 135, HK sao |      | 70%             | GHP HK I (2016-2017) |
| 4.  | Nguyễn Thị Quỳnh Chi  | 410152 | DTTS. Hộ nghèo 2016     | Đơn, khai sinh sao, GCN nghèo       | x    |                 | MHP kì I (2016-2017) |
| 5.  | Tấn Thị Dung          | 410119 | DTTS. VKTĐBKK (135)     | Đơn, khai sinh sao, GCN 135, HK sao |      | 70%             | GHP HK I (2016-2017) |
| 6.  | Hạc Thị Hạnh          | 410120 | DTTS. Hộ cận nghèo 2016 | Đơn, khai sinh sao, GCN cận nghèo   | x    |                 | MHP kì I (2016-2017) |
| 7.  | Trương Thị Hằng       | 410116 | DTTS. VKTĐBKK (135)     | Đơn, khai sinh sao, GCNVKTĐBKK, HK  |      | 70%             | GHP HK I (2016-2017) |
| 8.  | Hoàng Ngọc Hiền       | 410131 | DTTS. VKTĐBKK (135)     | Đơn, khai sinh sao, GCN 135, HK sao |      | 70%             | GHP HK I (2016-2017) |
| 9.  | Phùng Thị Quỳnh Hương | 410112 | CBB - TL61%             | Đơn, khai sinh sao, GCN CBB,TBB     | x    |                 | MHP toàn khóa học    |
| 10. | Vì Thùy Linh          | 410150 | DTTS. Hộ cận nghèo 2016 | Đơn, khai sinh sao, GCN cận nghèo   | x    |                 | MHP kì I (2016-2017) |
| 11. | Hứa Hà Mi             | 410151 | DTTS. VKTĐBKK (135)     | Đơn, khai sinh sao, GCN 135, HK sao |      | 70%             | GHP HK I (2016-2017) |
| 12. | Đào Kim Ngân          | 410144 | CTB4/4 - TL21%          | Đơn, khai sinh sao, GCNCTB,TTB      | x    |                 | MHP toàn khóa học    |
| 13. | Vũ Thị Thu Phương     | 410114 | DTTS. VKTĐBKK (135)     | Đơn, khai sinh sao, GCN 135, HK sao |      | 70%             | GHP HK I (2016-2017) |
| 14. | Bùi Bích Thùy         | 410127 | CTB4/4                  | Đơn, khai sinh sao, GCNCTB, TTB     | x    |                 | MHP toàn khóa học    |
| 15. | Nguyễn Thị Vân        | 410145 | DTTS. VKTĐBKK (135)     | Đơn, khai sinh sao, GCN 135, HK sao |      | 70%             | GHP HK I (2016-2017) |
| 16. | Tô Thị Đệ             | 410220 | DTTS. Hộ nghèo 2016     | Đơn, khai sinh sao, GCN nghèo       | x    |                 | MHP kì I (2016-2017) |
| 17. | Cầm Thị Minh Hòa      | 410217 | DTTT. Ở với bácVKTĐBKK  | Đơn, khai sinh sao, GCN 135, HK sao |      | 70%             | GHP HK I (2016-2017) |
| 18. | Vy Thị Kim Liên       | 410240 | DTTS. VKTĐBKK (135)     | Đơn, khai sinh sao, GCN 135, HK sao |      | 70%             | GHP HK I (2016-2017) |
| 19. | Hoàng Thị Ngọc        | 410228 | DTTS. VKTĐBKK (135)     | Đơn, khai sinh sao, GCN 135, HK sao |      | 70%             | GHP HK I (2016-2017) |

|     |                    |        |                         |                                     |   |     |                      |
|-----|--------------------|--------|-------------------------|-------------------------------------|---|-----|----------------------|
| 20. | Phùng Thị Thảo     | 410254 | DTTS. Hộ cận nghèo 2016 | Đơn, khai sinh sao, GCN cận nghèo   | x |     | MHP kì I (2016-2017) |
| 21. | Nông Thị Trang     | 410231 | DTTS. VKTĐBKK (135)     | Đơn, khai sinh sao, GCN 135, HK sao |   | 70% | GHP HK I (2016-2017) |
| 22. | Hoàng Thị Đường    | 410356 | DTTS. Hộ nghèo 2016     | Đơn, khai sinh sao, GCN nghèo       | x |     | MHP kì I (2016-2017) |
| 23. | Phùng Thị Thu Hoài | 410346 | DTTS. VKTĐBKK (135)     | Đơn, khai sinh sao, GCN 135, HK sao |   | 70% | GHP HK I (2016-2017) |
| 24. | Vương Thu Huế      | 410345 | DTTS. VKTĐBKK (135)     | Đơn, khai sinh sao, GCN 135, HK sao |   | 70% | GHP HK I (2016-2017) |
| 25. | Nguyễn Thị Lan     | 410321 | DTTS. Hộ cận nghèo 2016 | Đơn, khai sinh sao, GCN cận nghèo   | x |     | MHP kì I (2016-2017) |
| 26. | Đặng Thùy Linh     | 410339 | NKT loại nặng           | Đơn, khai sinh sao, GCN KT          | x |     | MHP toàn khóa học    |
| 27. | Triệu Thị Loan     | 410351 | DTTS. VKTĐBKK (135)     | Đơn, khai sinh sao, GCN 135, HK sao |   | 70% | GHP HK I (2016-2017) |
| 28. | Nguyễn Thị Thùy    | 410324 | DTTS. VKTĐBKK (135)     | Đơn, khai sinh sao, GCNVKTĐBKK, HK  |   | 70% | GHP HK I (2016-2017) |
| 29. | Nông Thùy Trang    | 410328 | DTTS. VKTĐBKK (135)     | Đơn, khai sinh sao, GCN 135, HK sao |   | 70% | GHP HK I (2016-2017) |
| 30. | Điền Kiều Trang    | 410322 | DTTS. Hộ nghèo 2016     | Đơn, khai sinh sao, GCN nghèo       | x |     | MHP kì I (2016-2017) |
| 31. | Nguyễn Ngọc Tú     | 410353 | DTTS. Hộ nghèo 2016     | Đơn, khai sinh sao, GCN nghèo       | x |     | MHP kì I (2016-2017) |
| 32. | Nguyễn Thị Dung    | 410432 | DTTS. Hộ nghèo 2016     | Đơn, khai sinh sao, GCN nghèo       | x |     | MHP kì I (2016-2017) |
| 33. | Ma Thị Hạ          | 410451 | DTTS. Hộ cận nghèo 2016 | Đơn, khai sinh sao, GCN cận nghèo   | x |     | MHP kì I (2016-2017) |
| 34. | Lương Thị Ngân     | 410411 | DTTS. Hộ nghèo 2016     | Đơn, khai sinh sao, GCN nghèo       | x |     | MHP kì I (2016-2017) |
| 35. | Giàng Seo Lặng     | 410454 | DTTS. Hộ cận nghèo 2016 | Đơn, khai sinh sao, GCN cận nghèo   | x |     | MHP kì I (2016-2017) |
| 36. | Bùi Việt Phương    | 410423 | CTB3/4 - TL51%          | Đơn, khai sinh sao, GCNCTB,TTB      | x |     | MHP toàn khóa học    |
| 37. | Dương Văn Thuận    | 410436 | DTTS. VKTĐBKK (135)     | Đơn, khai sinh sao, GCN 135, HK sao |   | 70% | GHP HK I (2016-2017) |
| 38. | Vương Thị Yến      | 410444 | DTTS. VKTĐBKK (135)     | Đơn, khai sinh sao, GCNVKTĐBKK, HK  |   | 70% | GHP HK I (2016-2017) |
| 39. | Lê Thị Anh         | 410518 | DTTS. Hộ cận nghèo 2016 | Đơn, khai sinh sao, GCN cận nghèo   | x |     | MHP kì I (2016-2017) |
| 40. | Đàm Thị Đào        | 410526 | DTTS. Hộ cận nghèo 2016 | Đơn, khai sinh sao, GCN cận nghèo   | x |     | MHP kì I (2016-2017) |
| 41. | Hoàng Thị Mai Hoa  | 410515 | DTTS. Hộ cận nghèo 2016 | Đơn, khai sinh sao, GCN cận nghèo   | x |     | MHP kì I (2016-2017) |
| 42. | La Thị Bích Khuyên | 410540 | DTTS. Hộ cận nghèo 2016 | Đơn, khai sinh sao, GCN cận nghèo   | x |     | MHP kì I (2016-2017) |
| 43. | Hoàng Thị Nhã      | 410555 | DTTS. Hộ cận nghèo 2016 | Đơn, khai sinh sao, GCN cận nghèo   | x |     | MHP kì I (2016-2017) |
| 44. | Ma Thị Thao        | 410551 | DTTS. Hộ cận nghèo 2016 | Đơn, khai sinh sao, GCN cận nghèo   | x |     | MHP kì I (2016-2017) |
| 45. | Lý Minh Nguyệt     | 410524 | DT vùng 30a             | Đơn, khai sinh sao, GCN 30a, HK sao |   | 70% | GHPNH (2016-2017)    |
| 46. | Bùi Thị Thủy       | 410525 | DTTS. Hộ nghèo 2016     | Đơn, khai sinh sao, GCN nghèo       | x |     | MHP kì I (2016-2017) |

|     |                       |        |                         |                                        |   |     |                      |
|-----|-----------------------|--------|-------------------------|----------------------------------------|---|-----|----------------------|
| 47. | Hoàng Thị Hồng Xuân   | 410520 | DTTS. VKTĐBKK (135)     | Đơn, khai sinh sao, GCN 135, HK sao    |   | 70% | GHP HK I (2016-2017) |
| 48. | Nguyễn Phú An         | 410602 | Bố nuôi TB 4/4- TL22%   | Đơn, khai sinh sao, GCNCTB, QĐNCN, TTB | x |     | MHP toàn khóa học    |
| 49. | Triệu Thị Diễm        | 410658 | DTTS. VKTĐBKK (135)     | Đơn, khai sinh sao, GCN 135, HK sao    |   | 70% | GHP HK I (2016-2017) |
| 50. | Khúc Thu Hà           | 410640 | DTTS. VKTĐBKK (135)     | Đơn, khai sinh sao, GCN 135, HK sao    |   | 70% | GHP HK I (2016-2017) |
| 51. | Cầm Thị Hà            | 410639 | DTTS. Hộ nghèo 2016     | Đơn, khai sinh sao, GCN nghèo          | x |     | MHP kì I (2016-2017) |
| 52. | Mùa Lưu Ly            | 410629 | DT vùng 30a             | Đơn, khai sinh sao, GCN 30a, HK sao    |   | 70% | GHPNH (2016-2017)    |
| 53. | Hà Ánh Nguyệt         | 410621 | DTTS. VKTĐBKK (135)     | Đơn, khai sinh sao, GCN 135, HK sao    |   | 70% | GHP HK I (2016-2017) |
| 54. | Lữ Văn Quang          | 410651 | DTTS. VKTĐBKK (135)     | Đơn, khai sinh sao, GCN 135, HK sao    |   | 70% | GHP HK I (2016-2017) |
| 55. | Tòng Văn Quỳnh        | 410624 | DT vùng 30a             | Đơn, khai sinh sao, GCN 30a, HK sao    |   | 70% | GHPNH (2016-2017)    |
| 56. | Dương Thị Anh Đào     | 410740 | DTTS. VKTĐBKK (135)     | Đơn, khai sinh sao, GCN 135, HK sao    |   | 70% | GHP HK I (2016-2017) |
| 57. | Nông Thị Hoài         | 410723 | DTTS. Hộ nghèo 2016     | Đơn, khai sinh sao, GCN nghèo          | x |     | MHP kì I (2016-2017) |
| 58. | Lý Thanh Loan         | 410730 | DTTS. VKTĐBKK (135)     | Đơn, khai sinh sao, GCN 135, HK sao    |   | 70% | GHP HK I (2016-2017) |
| 59. | Hoàng Thị Nhài        | 410726 | DTTS. VKTĐBKK (135)     | Đơn, khai sinh sao, GCN 135, HK sao    |   | 70% | GHP HK I (2016-2017) |
| 60. | Lưu Thị Ngân Oanh     | 410724 | DTTS. Hộ cận nghèo 2016 | Đơn, khai sinh sao, GCN cận nghèo      | x |     | MHP kì I (2016-2017) |
| 61. | Bùi Thị Lý            | 410727 | DTTS. VKTĐBKK (135)     | Đơn, khai sinh sao, GCN 135, HK sao    |   | 70% | GHP HK I (2016-2017) |
| 62. | Lường Văn Toàn        | 410751 | DTTS. VKTĐBKK (135)     | Đơn, khai sinh sao, GCN 135, HK sao    |   | 70% | GHP HK I (2016-2017) |
| 63. | Phùng Kim Tuyến       | 410706 | DTTS. Hộ cận nghèo 2016 | Đơn, khai sinh sao, GCN cận nghèo      | x |     | MHP kì I (2016-2017) |
| 64. | Hà Thị Hương Trà      | 410749 | DTTS. Hộ cận nghèo 2016 | Đơn, khai sinh sao, GCN cận nghèo      | x |     | MHP kì I (2016-2017) |
| 65. | Đặng Thị Hạnh         | 410816 | DTTS. Hộ cận nghèo 2016 | Đơn, khai sinh sao, GCN cận nghèo      | x |     | MHP kì I (2016-2017) |
| 66. | Cao Thị Trung Kiên    | 410827 | DTTS. VKTĐBKK (135)     | Đơn, khai sinh sao, GCN 135, HK sao    |   | 70% | GHP HK I (2016-2017) |
| 67. | Ma Thị Mơ             | 410854 | DTTS. Hộ nghèo 2016     | Đơn, khai sinh sao, GCN nghèo          | x |     | MHP kì I (2016-2017) |
| 68. | Vương Thị Kim Ngân    | 410829 | CBB2/3-TL61%            | Đơn, khai sinh sao, GCNCBB, TBB        | x |     | MHP toàn khóa học    |
| 69. | Nguyễn Kim Phương     | 410853 | DTTS. VKTĐBKK (135)     | Đơn, khai sinh sao, GCN 135, HK sao    |   | 70% | GHP HK I (2016-2017) |
| 70. | Lê Thanh Tùng         | 410839 | CNHCSNTB TL21%          | Đơn, khai sinh sao, GCN CNHCSNTB       | x |     | MHP kì I (2016-2017) |
| 71. | Trịnh Thị Huyền Trang | 410821 | DTTS. Hộ nghèo 2016     | Đơn, khai sinh sao, GCN nghèo          | x |     | MHP kì I (2016-2017) |
| 72. | Hoàng Thị Vân         | 410852 | DTTS. VKTĐBKK (135)     | Đơn, khai sinh sao, GCN 135, HK sao    |   | 70% | GHP HK I (2016-2017) |
| 73. | Hoàng Thị Chính       | 410928 | DTTS. VKTĐBKK (135)     | Đơn, khai sinh sao, GCN 135, HK sao    |   | 70% | GHP HK I (2016-2017) |

|      |                     |        |                         |                                     |   |     |                      |
|------|---------------------|--------|-------------------------|-------------------------------------|---|-----|----------------------|
| 74.  | Bế Phương Diễm      | 410914 | DTTS. Hộ nghèo 2016     | Đơn, khai sinh sao, GCN nghèo       | x |     | MHP kì I (2016-2017) |
| 75.  | Nguyễn Diệu Hoa     | 410935 | CNHCSNTB TL31%          | Đơn, khai sinh sao, GCN CNHCSNTB    | x |     | MHP kì I (2016-2017) |
| 76.  | Vũ Năng Hiến        | 410909 | CTB4/4 - TL21%          | Đơn, khai sinh sao, GCNCTB,TTB      | x |     | MHP toàn khóa học    |
| 77.  | La Thị Loan         | 410926 | DTTS. Hộ cận nghèo 2016 | Đơn, khai sinh sao, GCN cận nghèo   | x |     | MHP kì I (2016-2017) |
| 78.  | Đoàn Thị Lý         | 410924 | DTTS. VKTĐBKK (135)     | Đơn, khai sinh sao, GCN 135, HK sao |   | 70% | GHP HK I (2016-2017) |
| 79.  | Lý Thị Liễu         | 410949 | DTTS. VKTĐBKK (135)     | Đơn, khai sinh sao, GCN 135, HK sao |   | 70% | GHP HK I (2016-2017) |
| 80.  | Vũ Thị Thanh Thu    | 410923 | CTB4/4 - TL36%          | Đơn, khai sinh sao, GCNCTB,TTB      | x |     | MHP toàn khóa học    |
| 81.  | Lãnh Thị Tuyến      | 410950 | DTTS. Hộ cận nghèo 2016 | Đơn, khai sinh sao, GCN cận nghèo   | x |     | MHP kì I (2016-2017) |
| 82.  | Chu Văn Dũng        | 411013 | DTTS. VKTĐBKK (135)     | Đơn, khai sinh sao, GCN 135, HK sao |   | 70% | GHP HK I (2016-2017) |
| 83.  | Nông Thị Đông       | 411020 | DTTS. Hộ nghèo 2016     | Đơn, khai sinh sao, GCN nghèo       | x |     | MHP kì I (2016-2017) |
| 84.  | Ngân Thu Hương      | 411025 | DTTS. VKTĐBKK (135)     | Đơn, khai sinh sao, GCN 135, HK sao |   | 70% | GHP HK I (2016-2017) |
| 85.  | Hoàng Thị Huệ       | 411043 | DTTS. VKTĐBKK (135)     | Đơn, khai sinh sao, GCN 135, HK sao |   | 70% | GHP HK I (2016-2017) |
| 86.  | Nông Thị Huế        | 411030 | DTTS. Hộ cận nghèo 2016 | Đơn, khai sinh sao, GCN nghèo       | x |     | MHP kì I (2016-2017) |
| 87.  | Giảng Thị Nguyên    | 411055 | DTTS. VKTĐBKK (135)     | Đơn, khai sinh sao, GCN 135, HK sao |   | 70% | GHP HK I (2016-2017) |
| 88.  | Lò Thị Hiền         | 411027 | DTTS. VKTĐBKK (135)     | Đơn, khai sinh sao, GCN 135, HK sao |   | 70% | GHP HK I (2016-2017) |
| 89.  | Nông Mạnh Quang     | 411005 | DTTS. Hộ cận nghèo 2016 | Đơn, khai sinh sao, GCN cận nghèo   | x |     | MHP kì I (2016-2017) |
| 90.  | Ma Thị Kiều Trang   | 411044 | DTTS. VKTĐBKK (135)     | Đơn, khai sinh sao, GCN 135, HK sao |   | 70% | GHP HK I (2016-2017) |
| 91.  | Lăng Thùy Trang     | 411050 | DTTS. VKTĐBKK (135)     | Đơn, khai sinh sao, GCN 135, HK sao |   | 70% | GHP HK I (2016-2017) |
| 92.  | Đặng Thị Thủy       | 411026 | DTTS. Hộ nghèo 2016     | Đơn, khai sinh sao, GCN nghèo       | x |     | MHP kì I (2016-2017) |
| 93.  | Đinh Thị Thúy Hường | 411107 | DTTS. VKTĐBKK (135)     | Đơn, khai sinh sao, GCN 135, HK sao |   | 70% | GHP HK I (2016-2017) |
| 94.  | Phùng Thị Oanh      | 411151 | DTTS. Hộ nghèo 2016     | Đơn, khai sinh sao, GCN nghèo       | x |     | MHP kì I (2016-2017) |
| 95.  | Hoàng Thị Thảo      | 411149 | DTTS. VKTĐBKK (135)     | Đơn, khai sinh sao, GCN 135, HK sao |   | 70% | GHP HK I (2016-2017) |
| 96.  | Liễu Thị Thúy       | 411123 | DTTS. Hộ nghèo 2016     | Đơn, khai sinh sao, GCN nghèo       | x |     | MHP kì I (2016-2017) |
| 97.  | Lê Thị Trang        | 411125 | CTB4/4 - TL41%          | Đơn, khai sinh sao, GCNCTB,TTB      | x |     | MHP toàn khóa học    |
| 98.  | Phương Thị Bằng     | 411244 | DTTS. VKTĐBKK (135)     | Đơn, khai sinh sao, GCN 135, HK sao |   | 70% | GHP HK I (2016-2017) |
| 99.  | Hoàng Trung Kiên    | 411229 | DTTS. Hộ nghèo 2016     | Đơn, khai sinh sao, GCN nghèo       | x |     | MHP kì I (2016-2017) |
| 100. | Chu Thúy Lan        | 411226 | DTTS. Hộ cận nghèo 2016 | Đơn, khai sinh sao, GCN cận nghèo   | x |     | MHP kì I (2016-2017) |

|      |                      |        |                         |                                       |   |     |                      |
|------|----------------------|--------|-------------------------|---------------------------------------|---|-----|----------------------|
| 101. | Hoàng Thị Ngân       | 411249 | DTTS. Hộ nghèo 2016     | Đơn, khai sinh sao, GCN nghèo         | x |     | MHP kì I (2016-2017) |
| 102. | Lang Thị Tình        | 411217 | DT vùng 30a             | Đơn, khai sinh sao, GCN 30a, HK sao   |   | 70% | GHPNH (2016-2017)    |
| 103. | Phương Ngọc Anh      | 411354 | DT vùng 30a             | Đơn, khai sinh sao, GCN 30a, HK sao   |   | 70% | GHPNH (2016-2017)    |
| 104. | Nông Thị Đạt         | 411316 | DTTS. Hộ nghèo 2016     | Đơn, khai sinh sao, GCN nghèo         | x |     | MHP kì I (2016-2017) |
| 105. | Phùng Thị Thanh Hằng | 411322 | DTTS. VKTĐBKK (135)     | Đơn, khai sinh sao, GCN 135, HK sao   |   | 70% | GHP HK I (2016-2017) |
| 106. | Lương Thị Kim        | 411317 | DTTS. VKTĐBKK (135)     | Đơn, khai sinh sao, GCN 135, HK sao   |   | 70% | GHP HK I (2016-2017) |
| 107. | Ma Thị Thanh Lam     | 411344 | DTTS. VKTĐBKK (135)     | Đơn, khai sinh sao, GCN 135, HK sao   |   | 70% | GHP HK I (2016-2017) |
| 108. | Sầm Thị Nhân         | 411330 | DTTS. Hộ cận nghèo 2016 | Đơn, khai sinh sao, GCN cận nghèo     | x |     | MHP kì I (2016-2017) |
| 109. | Hoàng Thị Thanh Thu  | 411323 | DTTS. VKTĐBKK (135)     | Đơn, khai sinh sao, GCN 135, HK sao   |   | 70% | GHP HK I (2016-2017) |
| 110. | Âu Thúy Hằng         | 411415 | DTTS. VKTĐBKK (135)     | Đơn, khai sinh sao, GCN 135, HK sao   |   | 70% | GHP HK I (2016-2017) |
| 111. | Nguyễn Thị Hương     | 411438 | DTTS. Hộ cận nghèo 2016 | Đơn, khai sinh sao, GCN cận nghèo     | x |     | MHP kì I (2016-2017) |
| 112. | Bùi Thị Hoan         | 411440 | DTTS. Hộ nghèo 2016     | Đơn, khai sinh sao, GCN nghèo         | x |     | MHP kì I (2016-2017) |
| 113. | Lê Thị Thúy Kiều     | 411420 | DTTS. Hộ nghèo 2016     | Đơn, khai sinh sao, GCN nghèo         | x |     | MHP kì I (2016-2017) |
| 114. | Nhữ Vi Bích Ngọc     | 411421 | DTTS. VKTĐBKK (135)     | Đơn, khai sinh sao, GCN 135, HK sao   |   | 70% | GHP HK I (2016-2017) |
| 115. | Hoàng Thị Hồng Nhung | 411411 | DTTS. VKTĐBKK (135)     | Đơn, khai sinh sao, GCN 135, HK sao   |   | 70% | GHP HK I (2016-2017) |
| 116. | Nông Thị Hiền Anh    | 411530 | CTB4/4 – TL28%          | Đơn, khai sinh sao, GCNCTB,TTB        | x |     | MHP toàn khóa học    |
| 117. | Trần Thị Hải         | 411514 | DTTS. Hộ cận nghèo 2016 | Đơn, khai sinh sao, GCN cận nghèo     | x |     | MHP kì I (2016-2017) |
| 118. | Tô Thị Hậu           | 411521 | DTTS. VKTĐBKK (135)     | Đơn, khai sinh sao, GCN 135, HK sao   |   | 70% | GHP HK I (2016-2017) |
| 119. | Trần Viết Huỳnh      | 411513 | Mồ côi cả cha lẫn mẹ    | Đơn, khai sinh sao, giấy chứng tử,... | x |     | MHP toàn khóa học    |
| 120. | Đinh Thị Hoàng Lan   | 411533 | CNBTNLDHTCTX            | Đơn, khai sinh sao, GCNTNLD, SL       |   | 50% | Giảm toàn khóa học   |
| 121. | Bùi Huyền Nhi        | 411550 | DTTS. Hộ cận nghèo 2016 | Đơn, khai sinh sao, GCN cận nghèo     | x |     | MHP kì I (2016-2017) |
| 122. | Lương Thị Dung       | 411650 | DTTS. Hộ cận nghèo 2016 | Đơn, khai sinh sao, GCN cận nghèo     | x |     | MHP kì I (2016-2017) |
| 123. | Tòng Văn Hải         | 411607 | DTTS. VKTĐBKK (135)     | Đơn, khai sinh sao, GCN 135, HK sao   |   | 70% | GHP HK I (2016-2017) |
| 124. | Lò Thị Huế           | 411613 | DTTS. Hộ cận nghèo 2016 | Đơn, khai sinh sao, GCN cận nghèo     | x |     | MHP kì I (2016-2017) |
| 125. | Ngô Thu Hường        | 411625 | DTTS. VKTĐBKK (135)     | Đơn, khai sinh sao, GCN 135, HK sao   |   | 70% | GHP HK I (2016-2017) |
| 126. | Nông Thị Mới         | 411649 | DTTS. Hộ nghèo 2016     | Đơn, khai sinh sao, GCN nghèo         | x |     | MHP kì I (2016-2017) |
| 127. | Nguyễn Bảo Ngọc      | 411608 | CTB4/4 – TL81%          | Đơn, khai sinh sao, GCNCTB,TTB        | x |     | MHP toàn khóa học    |

|      |                     |        |                         |                                       |   |     |                       |
|------|---------------------|--------|-------------------------|---------------------------------------|---|-----|-----------------------|
| 128. | Dương Thị Nhung     | 411617 | DTTS. VKTĐBKK (135)     | Đơn, khai sinh sao, GCN 135, HK sao   |   | 70% | GHP HK I (2016-2017)  |
| 129. | Phạm Ngọc Lê Trang  | 411647 | DTTS. VKTĐBKK (135)     | Đơn, khai sinh sao, GCN 135, HK sao   |   | 70% | GHP HK I (2016-2017)  |
| 130. | Dương Thị Dung      | 411726 | DTTS. Hộ nghèo 2016     | Đơn, khai sinh sao, GCN nghèo         | x |     | MHP kì I (2016-2017)  |
| 131. | Nông Thùy Dung      | 411739 | DTTS. VKTĐBKK (135)     | Đơn, khai sinh sao, GCN 135, HK sao   |   | 70% | GHP HK I (2016-2017)  |
| 132. | Phùng Thị Thanh Nhã | 411724 | CTB4/4 – TL37%          | Đơn, khai sinh sao, GCNCTB,TTB        | x |     | MHP toàn khóa học     |
| 133. | Triệu Thị Văn       | 411755 | DTTS. Hộ nghèo 2016     | Đơn, khai sinh sao, GCN nghèo         | x |     | MHP kì I (2016-2017)  |
| 134. | Đinh Thị Thảo Vy    | 411742 | DTTS. VKTĐBKK (135)     | Đơn, khai sinh sao, GCN 135, HK sao   |   | 70% | GHP HK I (2016-2017)) |
| 135. | Phạm Phương Anh     | 411836 | Mồ côi cả cha lẫn mẹ    | Đơn, khai sinh sao, giấy chứng tử,... | x |     | MHP toàn khóa học     |
| 136. | Lê Vân Anh          | 411855 | DTTS. Hộ cận nghèo 2016 | Đơn, khai sinh sao, GCN cận nghèo     | x |     | MHP kì I (2016-2017)  |
| 137. | Hứa Thị Ngọc Bích   | 411848 | DTTS. VKTĐBKK (135)     | Đơn, khai sinh sao, GCN 135, HK sao   |   | 70% | GHP HK I (2016-2017)  |
| 138. | Hà Anh Dũng         | 411821 | DTTS. VKTĐBKK (135)     | Đơn, khai sinh sao, GCN 135, HK sao   |   | 70% | GHP HK I (2016-2017)  |
| 139. | Nguyễn Hữu Phát     | 411815 | CTB1/4 – TL81%          | Đơn, khai sinh sao, GCNCTB,TTB        | x |     | MHP toàn khóa học     |
| 140. | Dương Thị Tắm       | 411854 | DTTS. Hộ nghèo 2016     | Đơn, khai sinh sao, GCN nghèo         | x |     | MHP kì I (2016-2017)  |
| 141. | Quách Thị Hồng Thảo | 411841 | DTTS. VKTĐBKK (135)     | Đơn, khai sinh sao, GCN 135, HK sao   |   | 70% | GHP HK I (2016-2017)  |
| 142. | Hoàng Thị Diệu      | 411912 | DTTS. Hộ nghèo 2016     | Đơn, khai sinh sao, GCN nghèo         | x |     | MHP kì I (2016-2017)  |
| 143. | Lò Thị Ngọc Hà      | 411906 | DTTS. VKTĐBKK (135)     | Đơn, khai sinh sao, GCN 135, HK sao   |   | 70% | GHP HK I (2016-2017)  |
| 144. | Lê Thanh Hằng       | 411901 | DTTS. Hộ nghèo 2016     | Đơn, khai sinh sao, GCN nghèo         | x |     | MHP kì I (2016-2017)  |
| 145. | Hoàng Lý Hùng       | 411955 | DTTS. VKTĐBKK (135)     | Đơn, khai sinh sao, GCN 135, HK sao   |   | 70% | GHP HK I (2016-2017)  |
| 146. | Hứa Thị Kiều        | 411953 | DTTS. Hộ nghèo 2016     | Đơn, khai sinh sao, GCN nghèo         | x |     | MHP kì I (2016-2017)  |
| 147. | Lê Thị Nguyệt       | 411919 | DTTS. Hộ nghèo 2016     | Đơn, khai sinh sao, GCN nghèo         | x |     | MHP kì I (2016-2017)  |
| 148. | Nông Thị Kim Trâm   | 411954 | DTTS. VKTĐBKK (135)     | Đơn, khai sinh sao, GCN 135, HK sao   |   | 70% | GHP HK I (2016-2017)  |
| 149. | Ma Thị Nguyên       | 412053 | DTTS. VKTĐBKK (135)     | Đơn, khai sinh sao, GCN 135, HK sao   |   | 70% | GHP HK I (2016-2017)  |
| 150. | Phạm Thục Nguyên    | 412054 | DT vùng 30a             | Đơn, khai sinh sao, GCN 30a, HK sao   |   | 70% | GHP NH (2016-2017)    |
| 151. | Bàn Thị Piền        | 412024 | DTTS. Hộ cận nghèo 2016 | Đơn, khai sinh sao, GCN cận nghèo     | x |     | MHP kì I (2016-2017)  |
| 152. | Lý Thị Ánh Tuyết    | 412022 | DTTS. VKTĐBKK (135)     | Đơn, khai sinh sao, GCN 135, HK sao   |   | 70% | GHP HK I (2016-2017)  |
| 153. | Lê Bảo Châu         | 412138 | CTB4/4 – TL21%          | Đơn, khai sinh sao, GCNCTB,TTB        | x |     | MHP toàn khóa học     |
| 154. | Mã Thị Hương Diễm   | 412121 | DTTS. VKTĐBKK (135)     | Đơn, khai sinh sao, GCN 135, HK sao   |   | 70% | GHP HK I (2016-2017)  |

|      |                    |        |                               |                                     |   |     |                      |
|------|--------------------|--------|-------------------------------|-------------------------------------|---|-----|----------------------|
| 155. | Mùi Thị Duyên Đào  | 412130 | DTTS. Hộ nghèo 2016           | Đơn, khai sinh sao, GCN nghèo       | x |     | MHP kì I (2016-2017) |
| 156. | Nguyễn Thu Hà      | 412120 | DTTS. VKTĐBKK (135)           | Đơn, khai sinh sao, GCN 135, HK sao |   | 70% | GHP HK I (2016-2017) |
| 157. | Bế Thị Huế         | 412151 | DTTS. VKTĐBKK (135)           | Đơn, khai sinh sao, GCN 135, HK sao |   | 70% | GHP HK I (2016-2017) |
| 158. | Cà Thị Phần        | 412119 | DTTS. Hộ nghèo 2016           | Đơn, khai sinh sao, GCN nghèo       | x |     | MHP kì I (2016-2017) |
| 159. | Lý Thị Phượng      | 412118 | DTTS. Hộ cận nghèo 2016       | Đơn, khai sinh sao, GCN cận nghèo   | x |     | MHP kì I (2016-2017) |
| 160. | Lý Thị Toán        | 412126 | DTTS. Hộ cận nghèo 2016       | Đơn, khai sinh sao, GCN cận nghèo   | x |     | MHP kì I (2016-2017) |
| 161. | Bùi Thị Trang      | 412152 | DTTS. VKTĐBKK (135)           | Đơn, khai sinh sao, GCN 135, HK sao |   | 70% | GHP HK I (2016-2017) |
| 162. | Nguyễn Thị Anh Thư | 412153 | DTTS. VKTĐBKK (135)           | Đơn, khai sinh sao, GCN 135, HK sao |   | 70% | GHP HK I (2016-2017) |
| 163. | Lò Mạnh Tuấn       | 412139 | DTTS. VKTĐBKK (135)           | Đơn, khai sinh sao, GCN 135, HK sao |   | 70% | GHP HK I (2016-2017) |
| 164. | Hà Thu Hằng        | 412250 | DTTS. Ở với bà hộ nghèo 2016  | Đơn, khai sinh sao, GCN nghèo       | x |     | MHP kì I (2016-2017) |
| 165. | Nông Thu Huyền     | 412218 | DTTS. Hộ nghèo 2016           | Đơn, khai sinh sao, GCN cận nghèo   | x |     | MHP kì I (2016-2017) |
| 166. | Bùi Phương Hà      | 412220 | DT vùng 30a                   | Đơn, khai sinh sao, GCN 30a, HK sao |   | 70% | GHPNH (2016-2017)    |
| 167. | Hoàng Thị Sinh     | 412219 | DTTS. VKTĐBKK (135)           | Đơn, khai sinh sao, GCN 135, HK sao |   | 70% | GHP HK I (2016-2017) |
| 168. | Bùi Thị Sương      | 412221 | DTTS. Hộ nghèo 2016           | Đơn, khai sinh sao, GCN nghèo       | x |     | MHP kì I (2016-2017) |
| 169. | Điêu Thị Trà My    | 412244 | DT vùng 30a                   | Đơn, khai sinh sao, GCN 30a, HK sao |   | 70% | GHPNH (2016-2017)    |
| 170. | Hoàng Thị Nhã      | 412227 | DTTS. VKTĐBKK (135)           | Đơn, khai sinh sao, GCN 135, HK sao |   | 70% | GHP HK I (2016-2017) |
| 171. | Hoàng Thị Bé Ngân  | 412222 | DTTS. VKTĐBKK (135)           | Đơn, khai sinh sao, GCN 135, HK sao |   | 70% | GHP HK I (2016-2017) |
| 172. | Bùi Thị Nhung      | 412255 | DTTS. Hộ cận nghèo 2016       | Đơn, khai sinh sao, GCN cận nghèo   | x |     | MHP kì I (2016-2017) |
| 173. | Đàm Ngọc Quang     | 412211 | DTTS. Ở với bà hộ nghèo 2016  | Đơn, khai sinh sao, GCN nghèo       | x |     | MHP kì I (2016-2017) |
| 174. | Nông Thị Trang     | 412215 | DTTS. Hộ nghèo 2016           | Đơn, khai sinh sao, GCN nghèo       | x |     | MHP kì I (2016-2017) |
| 175. | Nông Thị Hường     | 412313 | DTTS. Hộ nghèo 2016           | Đơn, khai sinh sao, GCN nghèo       | x |     | MHP kì I (2016-2017) |
| 176. | Nguyễn Huy Phúc    | 412321 | CTB1/4 – TL81%                | Đơn, khai sinh sao, GCNCTB,TTB      | x |     | MHP toàn khóa học    |
| 177. | Bùi Thị Lệ Thu     | 412320 | DTTS. Hộ cận nghèo 2016       | Đơn, khai sinh sao, GCN cận nghèo   | x |     | MHP kì I (2016-2017) |
| 178. | Nguyễn Thị Trinh   | 412346 | DTTS. ở với bác hộ nghèo 2016 | Đơn, khai sinh sao, GCN HN , HK sao | x |     | MHP HK1 (2016-2017)  |
| 179. | Bùi Hải Uyên       | 412351 | DTTS. Thôn KTĐBKK (135)       | Đơn, khai sinh sao, GCN 135, HK sao |   | 70% | GHP HK I (2016-2017) |
| 180. | Viên Đình Trung    | 412341 | Bố nuôi là thương binh        | Đơn, khai sinh sao, GCNCTB,TTB      | x |     | MHP toàn khóa học    |
| 181. | Phạm Thị Cúc       | 412457 | DTTS. Hộ cận nghèo 2016       | Đơn, khai sinh sao, GCN cận nghèo   | x |     | MHP kì I (2016-2017) |

|      |                       |        |                               |                                     |   |     |                      |
|------|-----------------------|--------|-------------------------------|-------------------------------------|---|-----|----------------------|
| 182. | Vi Thị Chiên          | 412422 | DTTS. Hộ nghèo 2016           | Đơn, khai sinh sao, GCN nghèo       | x |     | MHP kì I (2016-2017) |
| 183. | Đàm Thị Như           | 412406 | DTTS. Hộ nghèo 2016           | Đơn, khai sinh sao, GCN nghèo       | x |     | MHP kì I (2016-2017) |
| 184. | Vũ Dương Trà My       | 412431 | DTTS. Ở với chủ hộ nghèo 2016 | Đơn, khai sinh sao, GCN nghèo       | x |     | MHP kì I (2016-2017) |
| 185. | Lê Thị Linh Tâm       | 412459 | DTTS. Hộ nghèo 2016           | Đơn, khai sinh sao, GCN nghèo       | x |     | MHP kì I (2016-2017) |
| 186. | Hoàng Thị Trung       | 412413 | DTTS. VKTĐBKK (135)           | Đơn, khai sinh sao, GCN 135, HK sao |   | 70% | GHP HK I (2016-2017) |
| 187. | Cao Kiều Diễm         | 412557 | DTTS. VKTĐBKK (135)           | Đơn, khai sinh sao, GCN 135, HK sao |   | 70% | GHP HK I (2016-2017) |
| 188. | Hoàng Thị Lam         | 412548 | DTTS. Hộ nghèo 2016           | Đơn, khai sinh sao, GCN nghèo       | x |     | MHP kì I (2016-2017) |
| 189. | Bế Thị Thu Thảo       | 412556 | DTTS. Hộ cận nghèo 2016       | Đơn, khai sinh sao, GCN cận nghèo   | x |     | MHP kì I (2016-2017) |
| 190. | Hoàng Thị Thanh Thanh | 412542 | DTTS. Hộ cận nghèo 2016       | Đơn, khai sinh sao, GCN cận nghèo   | x |     | MHP kì I (2016-2017) |
| 191. | Dương Thị Thu         | 412513 | DTTS. VKTĐBKK (135)           | Đơn, khai sinh sao, GCN 135, HK sao |   | 70% | GHP HK I (2016-2017) |
| 192. | Đông Thị Vân          | 412520 | DTTS. VKTĐBKK (135)           | Đơn, khai sinh sao, GCN 135, HK sao |   | 70% | GHP HK I (2016-2017) |
| 193. | Hoàng Ngọc Ánh        | 412622 | DTTS. VKTĐBKK (135)           | Đơn, khai sinh sao, GCN 135, HK sao |   | 70% | GHP HK I (2016-2017) |
| 194. | Lý Nguyệt Ánh         | 412645 | DTTS. VKTĐBKK (135)           | Đơn, khai sinh sao, GCN 135, HK sao |   | 70% | GHP HK I (2016-2017) |
| 195. | Hoàng Thị Kiều Dân    | 412606 | DTTS. Hộ cận nghèo 2016       | Đơn, khai sinh sao, GCN cận nghèo   | x |     | MHP kì I (2016-2017) |
| 196. | Hoàng Thị Duyên       | 412637 | DTTS. Hộ nghèo 2016           | Đơn, khai sinh sao, GCN nghèo       | x |     | MHP kì I (2016-2017) |
| 197. | Phương Thị Hảo        | 412614 | DTTS. Hộ nghèo 2016           | Đơn, khai sinh sao, GCN nghèo       | x |     | MHP kì I (2016-2017) |
| 198. | Phạm Thị Hiện         | 412602 | DTTS. VKTĐBKK (135)           | Đơn, khai sinh sao, GCN 135, HK sao |   | 70% | GHP HK I (2016-2017) |
| 199. | Phan Thu Hoài         | 412632 | CTB1/4 – TL85%                | Đơn, khai sinh sao, GCNCTB,TTB      | x |     | MHP toàn khóa học    |
| 200. | Triệu Thu Hằng        | 412641 | DTTS. Hộ nghèo 2016           | Đơn, khai sinh sao, GCN nghèo       | x |     | MHP kì I (2016-2017) |
| 201. | La Thị Lâm            | 412633 | DTTS. VKTĐBKK (135)           | Đơn, khai sinh sao, GCN 135, HK sao |   | 70% | GHP HK I (2016-2017) |
| 202. | Vương Thị Oanh        | 412646 | DTTS. Hộ cận nghèo 2016       | Đơn, khai sinh sao, GCN cận nghèo   | x |     | MHP kì I (2016-2017) |
| 203. | Dương Mạc Thúy Nga    | 412658 | DTTS. VKTĐBKK (135)           | Đơn, khai sinh sao, GCN 135, HK sao |   | 70% | GHP HK I (2016-2017) |
| 204. | Nguyễn Thị Mai Phương | 412610 | CTB 3/3 – TL51%               | Đơn, khai sinh sao, GCNCTB,TTB      | x |     | MHP toàn khóa học    |
| 205. | Lê Đăng Tú Quyên      | 412628 | DTTS. VKTĐBKK (135)           | Đơn, khai sinh sao, GCN 135, HK sao |   | 70% | GHP HK I (2016-2017) |
| 206. | Triệu Quỳnh Trang     | 412615 | DTTS. VKTĐBKK (135)           | Đơn, khai sinh sao, GCN 135, HK sao |   | 70% | GHP HK I (2016-2017) |
| 207. | Hà Hải Thương         | 412651 | DTTS. VKTĐBKK (135)           | Đơn, khai sinh sao, GCN 135, HK sao |   | 70% | GHP HK I (2016-2017) |
| 208. | Vi Thị Trung Tính     | 412647 | DTTS. Hộ cận nghèo 2016       | Đơn, khai sinh sao, GCN cận nghèo   | x |     | MHP kì I (2016-2017) |

|      |                    |        |                              |                                     |  |     |                      |
|------|--------------------|--------|------------------------------|-------------------------------------|--|-----|----------------------|
| 209. | Nông Hoàng Như     | 412860 | DTTS. VKTĐBKK (135)          | Đơn, khai sinh sao, GCN 135, HK sao |  | 70% | GHP HK I (2016-2017) |
| 210. | Lý Thị Giang       | 412915 | DTTS. VKTĐBKK (135)          | Đơn, khai sinh sao, GCN 135, HK sao |  | 70% | GHP HK I (2016-2017) |
| 211. | Lê Cẩm Huyền Trang | 412909 | DT vùng 30a                  | Đơn, khai sinh sao, GCN 30a, HK sao |  | 70% | GHPNH (2016-2017)    |
| 212. | Cầm Thùy Trang     | 412928 | DT - Ở với ông VKTĐBKK (135) | Đơn, khai sinh sao, GCN 135, HK sao |  | 70% | GHP NH (2016-2017)   |
| 213. | Hà Thị Trang       | 413208 | DTTS. VKTĐBKK (135)          | Đơn, khai sinh sao, GCN 135, HK sao |  | 70% | GHP HK I (2016-2017) |

**HIỆU TRƯỞNG**

**Lê Tiến Châu**